

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN NGHIÊN CỨU ĐÔNG NAM Á

NGUYỄN VĂN CHIẾN

TIẾN TỚI XÁC LẬP VỐN TỪ VỰNG VĂN HOÁ VIỆT

(NGHIÊN CỨU NGÔN NGỮ VÀ VĂN HOÁ)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRUNG TÂM THÔNG TIN THƯ VIỆN

VV-D2/7721

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 2004

MỤC LỤC

	Trang
LỜI MỞ ĐẦU	9
PHẦN THỨ NHẤT	
VĂN HOÁ VÀ NGÔN NGỮ	11
Chương một: Văn hoá học	13
1.1. Vấn đề định nghĩa khái niệm “Văn hoá”	13
1.2. Văn hoá là gì?	21
1.3. Văn hoá học	49
Chương hai: Ngôn ngữ và văn hoá - Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hoá	50
2.1. Ba định đề cơ bản nghiên cứu mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hoá	50
2.2. Lịch sử nghiên cứu ngôn ngữ học và khuynh hướng nghiên cứu ngôn ngữ - văn hoá học	53
2.3. Ngôn ngữ - Văn hoá học	65
Chương ba: Vốn từ vựng văn hoá	68
3.1. Vốn từ vựng chung	68
3.2. Vốn từ vựng văn hoá	68
3.3. Ký hiệu học - Ký hiệu học ngôn ngữ - Ký hiệu từ và Ký hiệu từ Văn hoá	70
3.4. Các lớp từ trong vốn từ vựng văn hoá Việt	104

PHẦN THỨ HAI

TIẾN TỚI XÁC LẬP VỐN TỪ VỤNG VĂN HOÁ VIỆT	109
Chương một: Nước - Biểu tượng văn hoá đặc thù trong tâm thức người Việt và từ "nước" trong tiếng Việt	111
1.1. Nước - một biểu tượng văn hoá đặc thù trong tâm thức người Việt	111
1.2. Nước - thành tố văn hoá số một trong tâm thức người Việt	117
1.3. Từ "nước" - Ký hiệu từ văn hoá trong tiếng Việt	120
1.3.1. Nghĩa biểu vật và cấu trúc ngữ nghĩa biểu niệm của các từ <i>nước</i> trong tiếng Việt - những đặc trưng ngôn ngữ - văn hoá	120
1.3.2. Nghĩa của từ <i>nước</i> trong các thành ngữ Việt	133
1.3.3. Nghĩa của từ <i>nước</i> trong các tục ngữ Việt.	134
Chương hai: Các từ biểu thị mô hình kinh tế- xã hội lúa nước cổ truyền Việt Nam	136
2.1. Khái niệm "mô hình kinh tế - xã hội lúa nước cổ truyền Việt Nam"	136
2.2. Lớp từ biểu thị mô hình kinh tế- xã hội lúa nước cổ truyền Việt Nam và việc phân lập các tiểu hệ thống	140
2.3. Từ lớp từ biểu thị mô hình Kinh tế - Xã hội lúa nước cổ truyền Việt Nam gọi một vài điểm nhìn tham chiếu về văn hoá và ngôn ngữ	167

Chương ba: Các danh từ chỉ quan hệ thân tộc và các từ xưng hô trong tiếng Việt	187
3.1. Danh từ thân tộc Việt trong hai loại hình ngôn ngữ đối chiếu: Khơ Me, Lào và Nga, Tiệp, Anh	188
3.1.1. Kết quả đối chiếu tiếng Việt trong hai bậc phân tích tương phản ở khu vực danh từ thân tộc	190
3.1.2. Các bảng hình thái danh từ thân tộc	211
3.2. Các từ xưng hô	220
Chương bốn: Các từ chỉ bộ phận cơ thể con người trong tiếng Việt	251
4.1. Hướng tiếp cận nghiên cứu từ chỉ bộ phận cơ thể con người	251
4.2. Từ góc nhìn văn hoá học gợi các điểm nhìn tham chiếu đối với việc phân tích những từ chỉ bộ phận cơ thể con người	253
4.3. Các từ chỉ bộ phận cơ thể con người và y ngôn dân dã	266
4.4. Các từ chỉ bộ phận cơ thể con người với ngôn ngữ biểu tượng tính hàm nghĩa xã hội	269
4.5. Ngôn tượng học dân gian qua các từ chỉ bộ phận cơ thể con người	276
4.6. Con người là trung tâm và vấn đề mở rộng lớp từ chỉ bộ phận cơ thể con người	285

**Chương năm: Các từ biểu thị hoạt động - động tác
của con người**

5.1. Về từ “ăn” trong tiếng Việt 286

5.2. Các đặc trưng ngôn ngữ - văn hoá của từ 289

“đi” trong tiếng Việt hiện đại 308

**Chương sáu: Số đếm trong ngôn ngữ, các tầng văn
hoá số và những gợi ý nghiên cứu các
từ chỉ số trong tiếng Việt hiện đại**

6.1. Số đếm trong ngôn ngữ 318

6.2. Các tầng văn hoá số 327

6.3. Định hướng nghiên cứu ngôn ngữ - văn hoá
các từ chỉ số trong tiếng Việt 330

TÀI LIỆU THAM KHẢO 347